

Số: 09 /2021/QĐ-PT

B, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ XÉT XỬ PHỨC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B bị kháng cáo như sau:

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, bị đơn là anh Hoàng Mạnh H nộp đơn kháng cáo không đồng ý cho chị Ngô Thị K nuôi con chung là cháu Hoàng Trọng Huy, sinh ngày 26/7/2011. Đề nghị được nuôi cả hai con chung.

XÉT THẤY:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm là bị đơn anh Hoàng Mạnh H có đơn đề nghị rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xin rút đơn kháng cáo của anh H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Căn cứ vào Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 28/2021/TLPT-PT ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị K, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Bùi, Cao Thượng, huyện TY, tỉnh B.

* **Bị đơn:** Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn Giữa, xã Lương Phong, huyện H, tỉnh B;

2. Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 44/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc anh Hoàng Mạnh H phải chịu 150.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh H đã nộp theo biên lai số 0007522 ngày 19/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B. Hoàn trả anh H số tiền 150.000đồng theo biên lai số 0007522 ngày 19/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B.

4. Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Hải Hương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 69-DS:

(1) và (2) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao ở đâu (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội).

(3) Ghi ngày, tháng, năm kháng cáo, tư cách đương sự trong tố tụng và họ tên người kháng cáo, nếu đương sự kháng cáo là cá nhân; nếu đương sự kháng cáo là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó; nếu người kháng cáo là người được đương sự uỷ quyền, thì ghi họ tên của người được uỷ quyền và ghi rõ đại diện theo uỷ quyền của ai theo giấy uỷ quyền ngày.... tháng.....năm.... nào (ví dụ: Ông Nguyễn Văn A là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Công ty TNHH B, theo giấy uỷ quyền số 01/2017/UQ ngày 10 tháng 3 năm 2017); nội dung kháng cáo. Nếu Viện kiểm sát kháng nghị thì ghi số, ngày, tháng, năm kháng nghị, tên Viện kiểm sát kháng nghị và nội dung kháng nghị. Nếu có cả kháng cáo, cả kháng nghị, thì ghi cả hai.

(4) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ xét xử phúc thẩm thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(5) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Khi thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì mới ghi mục 2 này.

(8) Quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (nếu có).

Số: **09** /2021/QĐST- HNGĐ

B, ngày 19 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào Điều 48; điểm c, khoản 1, Điều 217; Điều 218; Điều 219; khoản 2, Điều 273 và khoản 2, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLPT- HNGĐ ngày 11/10/2021;

Xét thấy: Người kháng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, vụ án không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Hà Ngọc Sơn, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn Hoàng Phúc, xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh B

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn Hoàng Phúc, xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Hoàn trả anh Hà Ngọc Sơn 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0000427 ngày 03/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Đương sự có mặt ở Việt Nam có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được

quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đương sự ở nước ngoài (chị Nguyễn Thị Nhung) có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Ong Thân Thắng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

